

UBND HUYỆN Ý YÊN  
TRƯỜNG MN YÊN THÀNH

Số: 23/QĐ-MNYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung Nghĩa, ngày 05 tháng 06 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai báo cáo thực hiện thu chi các nguồn thu  
Năm học 2024 - 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON YÊN THÀNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công bố công khai báo cáo thực hiện thu – chi các nguồn thu chi năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Yên Thành theo biểu mẫu đính kèm.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Tổ trưởng tổ Văn phòng, Kế toán, các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện Ý Yên;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Sinh

Trung Nghĩa, ngày 05 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO CÔNG KHAI  
QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU  
Năm học 2024-2025

| TT | Nội dung                                    | Thu         | Chi         | Tồn        |
|----|---------------------------------------------|-------------|-------------|------------|
| 1  | Học Phí                                     |             |             |            |
|    | Kỳ trước chuyển sang                        | 46,188,000  |             |            |
|    | Cấp bù học phí năm học 2023-2024            | 1,845,000   |             |            |
|    | Thu học phí kì I                            | 44,460,000  |             |            |
|    | Thu học phí kì II                           | 59,175,000  |             |            |
|    | Chi CCTL                                    |             | 57,063,515  |            |
|    | Chi hoạt động                               |             | 41,529,485  |            |
|    | Cộng                                        | 151,668,000 | 98,593,000  | 53,075,000 |
| 2  | Nước uống                                   |             |             |            |
|    | Thu tiền nước uống                          | 17,710,000  |             |            |
|    | Chi tiền chất đốt đun nước                  |             | 2,400,000   |            |
|    | Chi mua ca inox                             |             | 2,400,000   |            |
|    | Chi mua bình ủ nước                         |             | 2,500,000   |            |
|    | Chi trả công đun nước)                      |             | 3,200,000   |            |
|    | Chi sửa chữa máy lọc nước                   |             | 7,210,000   |            |
|    | Cộng                                        | 17,710,000  | 17,710,000  | 0          |
| 3  | Vệ sinh                                     |             |             |            |
|    | Thu tiền vệ sinh                            | 31,878,000  |             |            |
|    | Chi trả dọn vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh    |             | 9,000,000   |            |
|    | Chi mua đồ dùng, dụng cụ, dung dịch vệ sinh |             | 22,878,000  |            |
|    | Cộng                                        | 31,878,000  | 31,878,000  | 0          |
| 4  | Ăn bán trú                                  |             |             |            |
|    | Thu tiền ăn bán trú                         | 452,440,000 |             |            |
|    | Chi tiền thực phẩm                          |             | 424,903,000 |            |
|    | Tiền Gas nấu ăn, phụ phí                    |             | 27,537,000  |            |
|    | Cộng                                        | 452,440,000 | 452,440,000 | 0          |
| 5  | Tiền công thuê người nấu ăn                 |             |             |            |
|    | Thu tiền công thuê người nấu ăn             | 105,365,000 |             |            |
|    | Chi trả công thuê người nấu ăn              |             | 105,365,000 |            |
|    | Cộng                                        | 105,365,000 | 105,365,000 |            |
| 6  | Quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú  |             |             |            |

|          |                                                     |                    |                    |                   |
|----------|-----------------------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
|          | Thu tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú | 110,148,000        |                    |                   |
|          | Chi tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú |                    | 110,148,000        |                   |
|          | <b>Cộng</b>                                         | <b>110,148,000</b> | <b>110,148,000</b> | <b>0</b>          |
| <b>7</b> | <b>Tiền đầu cấp</b>                                 |                    |                    |                   |
|          | Kỳ trước chuyển sang                                | 6,774              |                    |                   |
|          | Thu tiền đầu cấp                                    | 8,750,000          |                    |                   |
|          | Chi mua nồi cơm điện                                |                    | 700,000            |                   |
|          | Chi mua bếp gas công nghiệp                         |                    | 1,100,000          |                   |
|          | Chi mua đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú             |                    | 4,486,774          |                   |
|          | Chi mua máy xay thịt, bát, thìa                     |                    | 2,470,000          |                   |
|          | <b>Cộng</b>                                         | <b>8,756,774</b>   | <b>8,756,774</b>   | <b>0</b>          |
| <b>8</b> | <b>Vận động tài trợ</b>                             |                    |                    |                   |
|          | Vận động tài trợ                                    | 57,530,000         |                    |                   |
|          | Chi mua đồ dùng TT02                                |                    | 45,650,000         |                   |
|          | Chi làm cửa sổ                                      |                    | 11,880,000         |                   |
|          | <b>Cộng</b>                                         | <b>57,530,000</b>  | <b>57,530,000</b>  | <b>0</b>          |
| <b>9</b> | <b>Sổ liên lạc điện tử Edu.one</b>                  |                    |                    |                   |
|          | Thu tiền dịch vụ Edu.one                            | 9,600,000          |                    |                   |
|          | Chi trả dịch vụ Edu                                 |                    | 9,600,000          |                   |
|          | <b>Cộng</b>                                         | <b>9,600,000</b>   | <b>9,600,000</b>   | <b>0</b>          |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>945,095,774</b> | <b>892,020,774</b> | <b>53,075,000</b> |

Trung Nghĩa, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập biểu



Hà Thị Huyền Trang



Hiệu trưởng

Phạm Thị Sinh